

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA QUẢN LÝ GIÁO DỤC HÒA NHẬP HỌC SINH KHUYẾT TẬT Ở VIỆT NAM

ThS. NGUYỄN ĐỨC HỮU*

Ngày nhận bài: 14/05/2016; ngày sửa chữa: 16/05/2016; ngày duyệt đăng: 17/05/2016.

Abstract: Inclusive Education has been piloted in Vietnam since 1991 and become important direction in developing education for children with disabilities to carry out the basic humanrights today. In this article the author presents Theory on inclusive education management of children with disabilities in Vietnam with aim to implement education goals towards approach the needs of learners in the context of changeable learning environment.

Keywords: Inclusive education, children with disability, management, rights, children.

Giao dục hòa nhập (GDHN) được Bộ GD-ĐT coi là định hướng chủ yếu để giải quyết quyền được giáo dục (GD) của người khuyết tật (KT) và là phương thức giáo dục chủ yếu được quy định trong **Luật Người khuyết tật 2010** [1]. Quản lý (QL) GDHN là một yếu tố quan trọng thúc đẩy thực hiện thành công và hiệu quả GDHN trong thực tiễn ở các nhà trường thông qua ban hành, hỗ trợ và giám sát thực hiện các văn bản pháp quy của Nhà nước.

QL GDHN là một khoa học chuyên ngành thuộc khoa học quản lý giáo dục (QLGD) được dựa trên những cơ sở lý luận quan trọng của cách tiếp cận dựa trên các *Quyền*, các học thuyết, lý thuyết về QL, QLGD và GDHN.

Với khoảng 600 ngàn người KT đang đi học và chủ yếu là học hòa nhập ở các nhà trường trong toàn quốc hiện nay đã ngày càng khẳng định tính khoa học, tính thực tiễn và hiệu quả của việc thực hiện GDHN ở Việt Nam.

Bài viết đề cập một số nghiên cứu về cơ sở lý luận của vấn đề QL GDHN học sinh KT với mô hình GDHN hiện đang được áp dụng tại Việt Nam.

1. Tiếp cận dựa trên các Quyền của trẻ em

Trẻ KT trước hết là trẻ em, các em có quyền được hưởng một nền GD bình đẳng, thân thiện và chất lượng.

Theo *Công ước của Liên Hiệp Quốc về Quyền trẻ em*, mọi trẻ em, trong đó có trẻ KT có 04 nhóm quyền cơ bản: 1) *Quyền được sống còn*; 2) *Quyền được bảo vệ*; 3) *Quyền được phát triển*; 4) *Quyền được tham gia* và Điều 29.1.a, GD có nêu mục tiêu: “phát triển tối đa nhân cách, tài năng, các khả năng về trí tuệ và thể chất của trẻ em”. Điều 28.2 của *Công ước* cũng khẳng định: “Các quốc gia thành viên phải thi hành tất cả các biện pháp thích hợp để đảm bảo kỉ luật nhà trường được thực hiện phù hợp với nhân phẩm của trẻ em” [2].

Việc GD về quyền trẻ em là một yêu cầu bức thiết để tất cả mọi người trong xã hội, người lớn cũng như bản thân trẻ em nắm được quyền của trẻ em và nghĩa vụ của họ trong việc tôn trọng, bảo vệ và thực hiện quyền trẻ em.

Tuyên bố Salamanca và *Cương lĩnh hành động về nhu cầu GD đặc biệt* (Tây Ban Nha 1994) đã nêu rõ: “GD là quyền của con người và những người KT cũng có quyền được học trong các trường phổ thông và các trường đó phải được thay đổi để tất cả các em đều được học” [3].

Tuyên ngôn về *Quyền con người* của Liên Hiệp Quốc đã chấp nhận những nguyên tắc cơ bản về quyền của người KT, đặc biệt là quyền được GD. GD người KT được thực hiện trong hệ thống nhà trường nói chung. Những luật pháp liên quan đến nền GD bắt buộc sẽ bao gồm tất cả mọi trẻ em, trẻ em ở mọi dạng KT, kể cả những em bị KT nặng. Tuyên ngôn đã khuyến nghị các quốc gia phải quan tâm đến nhu cầu GD đặc biệt của người KT và tạo điều kiện bình đẳng trong GD cho mọi người KT như là một bộ phận thiết yếu của hệ thống GD quốc dân.

Công ước của Liên Hiệp Quốc về Quyền của người KT năm 2006 một lần nữa nhấn mạnh đến các quyền cơ bản của người KT. Khái niệm về quyền của người KT được làm sáng tỏ trên nguyên tắc cơ bản là cung cấp các dịch vụ, sự giúp đỡ cần thiết cho sự phát triển của mỗi cá nhân về mọi mặt: nhân cách, năng lực, tài năng,... [4]. Đặc biệt, Việt Nam là một trong những quốc gia đã kí *Công ước quốc tế về Quyền của người KT* vào năm 2007 và được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phê chuẩn vào tháng 11 năm 2014.

* Bộ Giáo dục và Đào tạo

Trước đó, năm 2010, chúng ta cũng đã ban hành **Luật Người khuyết tật** và hàng loạt các văn bản quy phạm pháp luật khác. Với hệ thống các văn bản quốc gia và quốc tế trên đã tạo được hành lang pháp lí quan trọng cho việc thực hiện Quyền được GD của người KT ở Việt Nam.

2. GDHN vì những lợi ích tốt nhất của người KT

Người KT có những hạn chế nhất định về sức khoẻ, phát triển trí tuệ và đời sống tình cảm xã hội. Sự tham gia vào quá trình GD và dạy học hoà nhập trong nhà trường và các môi trường GD khác của các em (ở gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng,...) cần phải được đáp ứng các quyền và lợi ích cơ bản.

Mọi hoạt động của các cấp QL, nhà trường và những người liên quan đều nhằm thực hiện mục tiêu GD và đảm bảo tốt nhất những lợi ích của trẻ. Toàn bộ quá trình QL cần luôn luôn chú ý đến hoàn cảnh, nhu cầu và lợi ích của các em. Nói cách khác, lợi ích của trẻ em cần được coi là xuất phát điểm của toàn bộ quá trình QLGD nói chung và QL hoà nhập nói riêng.

Nguyên tắc này đòi hỏi các nhà trường, các nhà QL, giáo viên cũng như các lực lượng GD khác phải luôn luôn dựa trên các lợi ích của trẻ để đưa ra các quyết định phù hợp. Tổ chức các hoạt động GDHN cần được dựa trên quan điểm lấy trẻ em làm trung tâm, tính đến và đáp ứng phù hợp các hoàn cảnh đặc biệt của trẻ, đảm bảo trẻ được phát triển đầy đủ, hài hoà cả về thể chất, trí tuệ và đời sống tinh thần, tình cảm.

Các nhà QLGD các cấp, hiệu trưởng, giáo viên cùng các lực lượng GD khác chỉ có thể thực hiện được sứ mạng và nhiệm vụ của mình khi đặt những lợi ích tốt nhất của trẻ làm cơ sở, nền tảng cho việc QL và tổ chức các hoạt động GD trong nhà trường. Vì vậy, nguyên tắc này có ý nghĩa bao trùm, đảm bảo việc thực hiện các nguyên tắc khác trong QLGD nói chung cũng như QLGDHN cho người KT nói riêng.

3. GDHN nhằm thừa nhận và đáp ứng sự đa dạng

Mỗi cá nhân có những đặc tính chung của con người, song có những đặc điểm riêng khác biệt để có thể nhận ra nhau nhờ những đặc điểm riêng biệt đó.

Nguyên tắc này đảm bảo các phương pháp sư phạm hợp lí, phù hợp với đặc điểm của mỗi cá nhân mà tất cả trẻ em đều có thể được hưởng, với cách nhìn nhận sự khác biệt của con người là điều bình thường và việc học tập phải thích nghi, phù hợp với nhu cầu, đặc điểm cá nhân của trẻ chứ không phải là trẻ phải tự uốn mình để phù hợp với những nội dung đã có sẵn và nhịp độ của quá trình học tập.

Nguyên tắc này đảm bảo rằng, các quyết định QL được dựa trên và phù hợp với quy luật về sự đa dạng của mọi trẻ em. Đồng thời, việc tổ chức các hoạt động GD và dạy học hoà nhập cần có các phương pháp và hình thức phù hợp như: điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức và đánh giá kết quả GD phù hợp với khả năng của trẻ KT; xây dựng môi trường GDHN thân thiện; đảm bảo các nguồn lực về tài chính, cơ sở vật chất, đồ dùng phương tiện GD và dạy học phù hợp với hoàn cảnh cũng như nhu cầu đặc biệt của trẻ.

4. GDHN là sự đòi hỏi khách quan đối với sự thay đổi của nhà trường [3]

Sự thay đổi của nhà trường được định hướng theo *Cương lĩnh hành động về nhu cầu GD đặc biệt* được phê chuẩn tại *Hội nghị Thế giới về GD cho mọi người* do Chính phủ Tây Ban Nha phối hợp với UNESCO tổ chức tại Salamanca năm 1994. Mục đích là nhằm thông báo về chính sách và đường lối hoạt động cho các chính phủ, các tổ chức quốc tế, các cơ quan tài trợ quốc gia, các tổ chức phi chính phủ và các cơ quan khác trong việc thực hiện *Tuyên bố Salamanca* về các nguyên tắc, chính sách và việc thực hiện chương trình GD theo nhu cầu đặc biệt.

4.1. Nguyên tắc chỉ đạo của Cương lĩnh là các trường học phải tiếp nhận tất cả trẻ em bất kể điều kiện thể chất, trí tuệ, xã hội, ngôn ngữ và các điều kiện khác của trẻ. Điều này áp dụng cho cả trẻ em KT, trẻ có năng khiếu, trẻ em đường phố, trẻ em ở các vùng xa xôi hẻo lánh, trẻ em thuộc các nhóm dân số di cư, trẻ em thuộc các dân tộc thiểu số, nói tiếng bản ngữ hay trẻ em thuộc các nhóm bị thiệt thòi khác. Những nhân tố này tạo ra những thử thách lớn cho hệ thống nhà trường.

Điều đáng nói về sự thay đổi các trường này không chỉ ở chỗ là các trường có khả năng mang đến cho tất cả trẻ em một nền GD có chất lượng mà sự ra đời của các trường này là một bước quan trọng trong việc làm thay đổi thái độ, xóa đi sự phân biệt, tạo ra những cộng đồng thân ái và xây dựng một xã hội hoà nhập. Sự thay đổi này là điều cấp thiết trong xã hội để đảm bảo quyền được học tập trong các nhà trường của trẻ KT.

4.2. GDHN nhằm đáp ứng nhu cầu đặc biệt cần dựa trên các nguyên tắc của phương pháp sư phạm hợp lí mà mọi trẻ em đều có thể được hưởng. Với cách nhìn sự khác biệt của con người là điều bình thường và việc học tập phải thích nghi, phù hợp với nhu cầu của người học chứ không phải là người học phải tự "uốn mình" phù hợp với những nhận định đã được định sẵn về nhịp độ và bản chất của quá trình

học tập. Phương pháp sư phạm “lấy người học làm trung tâm” có lợi cho mọi đối tượng trẻ em và cho toàn xã hội. Đây là điều kiện quan trọng đảm bảo cho việc giảm tỉ lệ bỏ học và lưu ban một cách rõ rệt và nâng cao chất lượng, hiệu quả trong mọi nền GD; đồng thời còn giúp tránh được sự lãng phí nguồn lực, tránh được những bản khoản thường gặp do hậu quả của chất lượng giảng dạy nghèo nàn và tư tưởng “một cỡ” vừa với tất cả mọi đối tượng GD. Hơn nữa, các trường học lấy trẻ em làm trung tâm còn là cơ sở đào tạo dẫn tới một xã hội hướng về con người, vì con người, lấy con người làm trung tâm, một xã hội tôn trọng sự phát triển và phẩm giá của tất cả mọi người.

4.3. Thực hiện GDHN là thực hiện trường học cho mọi người. Đối với việc xây dựng các trường học hoà nhập, có thể phục vụ cho nhiều đối tượng trẻ ở cả thành thị cũng như nông thôn, đòi hỏi phải có một chính sách rõ ràng đồng thời phải có đầy đủ kinh phí, có mạng lưới thông tin công cộng hiệu quả để xoá bỏ các rào cản, thành kiến, tạo ra thái độ tích cực, cảm thông, chia sẻ...; vì vậy, cần có chương trình định hướng, đào tạo giáo viên và các dịch vụ cần thiết. Thay đổi trong việc sắp xếp tổ chức lớp học, chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy, cách đánh giá, tuyển dụng cán bộ, quy tắc nhà trường và tổ chức các hoạt động ngoại khoá là những điều cần thiết để đảm bảo sự thành công của trường hoà nhập.

Xây dựng các trường học hoà nhập là một phần mà công cuộc cải cách/đổi mới GD nhằm cải thiện chất lượng, nâng cao kết quả học tập và sự thành công của tất cả học sinh. Việc chấp nhận và thực hiện những hoạt động linh hoạt, thích nghi, có khả năng nhìn nhận một cách đầy đủ hơn những nhu cầu khác nhau của học sinh sẽ đóng góp vào sự thành công của nền GD cũng như việc hoà nhập.

5. QL GDHN học sinh KT được thực hiện theo các học thuyết QL, QLGD

5.1. QL và QLGD. Trong các giáo trình và tài liệu về QL, khi trình bày khái niệm QL, ngoài việc trích dẫn những tư tưởng của các tác giả kinh điển của lí luận chủ nghĩa Mác-Lênin, các tác giả thường dẫn ra quan điểm của một số nhà nghiên cứu nước ngoài như: Frederich Winslon Taylor (1855-1915); Henry Fayol (1841-1992); Mary Parkor Pollet (1868-1993); Hadol Koontz... và một số tác giả Việt Nam như: Nguyễn Ngọc Quang, Hồ Văn Vĩnh, Phạm Minh Hạc, Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Duy Quý, Bùi Trọng Tuân, Nguyễn Minh Đạo, Đỗ Minh Cương, Nguyễn Thị Doan, Nguyễn Lộc, Phan Văn Kha, Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Thị Mỹ Lộc,...

Tựu trung, có thể dẫn ra khái niệm về QL như sau: “QL là quá trình đạt đến mục tiêu của tổ chức bằng cách vận dụng các hoạt động (chức năng) kế hoạch hóa, tổ chức, chỉ đạo (lãnh đạo) và kiểm tra” [5].

Một số nhà nghiên cứu về QLGD có đưa ra định nghĩa về QLGD là *linh vực nghiên cứu và thực tiễn có liên quan đến sự vận hành của các tổ chức GD*. Theo đó, QLGD, thuộc phạm trù khái niệm QL nhà trường, là quá trình tác động có mục đích, có định hướng, có tính kế hoạch của các chủ thể QL (đứng đầu là hiệu trưởng nhà trường) đến các đối tượng QL (giáo viên, nhân viên, người học, các bên liên quan,...) và huy động, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả các nguồn lực nhằm thực hiện sứ mệnh của nhà trường đối với hệ thống GD và đào tạo, với cộng đồng và xã hội nhằm thực hiện mục tiêu GD đã xác định trong một môi trường luôn luôn biến động [6].

Tuy nhiên, khi bàn về khái niệm “quản lí”, cần chỉ rõ mối quan hệ giữa lãnh đạo và QL:

Lãnh đạo được hiểu là hình thái hoạt động QL cao nhất, là hạt nhân, là ngọn đèn pha của QL. Lãnh đạo được xem như “bộ não” của QL, là hệ thần kinh trung ương của QL, là tâm điểm thống nhất giá trị của tổ chức. Đặc điểm chủ yếu của lãnh đạo là ở chỗ xác định đường lối cơ bản, là định hướng mang tính chiến lược, là gây ảnh hưởng, là lôi cuốn quần chúng tự giác, nỗ lực thực hiện có kết quả đường lối, mục tiêu đã vạch ra.

Đặc điểm chủ yếu của QL thể hiện ở vai trò ưu tiên thực hiện các chức năng kế hoạch hoá, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra. QL mang tính quy trình, bài bản, đảm bảo những yêu cầu kĩ thuật, thủ tục. Lãnh đạo mang đậm yếu tố chủ quan, trong đó yếu tố sáng tạo, lãnh đạo để tạo ra sự thay đổi lớn lao, dẫn dắt tổ chức vượt qua những thách thức, trở ngại, những địa hình chưa từng đi qua luôn giữ vai trò quan trọng, thì QL lại là những tác động có thể “quy trình hoá” ở mức độ nhất định.

Nói một cách chung nhất, nhà QL cần biết cách lãnh đạo. Không có sự lãnh đạo và QL, các tổ chức ngày nay sẽ đối mặt với nguy cơ diệt vong. QL là quá trình xác lập và thực hiện các mục đích của tổ chức thông qua các chức năng QL như lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo (hoặc lãnh đạo) và kiểm soát. Nhà QL được tổ chức tuyển dụng và trao quyền chính thức để chỉ đạo hoạt động của những người khác nhằm hoàn thành các mục đích của tổ chức. Do đó, lãnh đạo là một phần quan trọng trong công việc của nhà QL. Lãnh đạo liên quan đến những thay đổi, cảm hứng, động cơ và ảnh hưởng. QL liên quan nhiều hơn đến việc thực hiện các mục đích và duy trì sự cân bằng của tổ chức.

Sự khác biệt và đặc tính trội của hai phạm trù này là:
 - *Lãnh đạo liên quan đến*: tầm nhìn, các vấn đề chiến lược, chuyển hóa, mục đích, con người, thúc đẩy và gây ảnh hưởng, làm việc đúng; - *QL liên quan đến*: việc thực thi, các vấn đề vận hành, giao dịch, phương tiện thực hiện, hệ thống, làm việc hiệu quả, làm đúng những việc phải làm [7].

5.2. QL giáo dục hòa nhập. QL GDHN là một khoa học chuyên ngành thuộc khoa học QLGD, có đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu riêng, đồng thời tuân theo và áp dụng có điều chỉnh các học thuyết QL và QLGD nói chung. QL GDHN được coi là một nhiệm vụ được lồng ghép phối hợp chung trong hoạt động QLGD nói chung và QL nhà trường nói riêng, mang tính tổng thể của QLGD.

Vận dụng cơ sở lý luận như đã phân tích trên đây, có thể hiểu, *QL GDHN* là sự tác động có kế hoạch, có tổ chức, có định hướng của chủ thể QL đến đối tượng QL dựa theo những yêu cầu có tính chất khách quan về lý luận và thực tiễn GDHN nhằm đạt được các mục tiêu QL đã đề ra [8].

QL GDHN đề cập đến các yếu tố cơ bản sau:
 - *Chủ thể QL*: Là tổ chức, cá nhân hay bộ máy QLGD các cấp từ trung ương đến đơn vị trường học ở các cấp học, bậc học khác nhau; - *Đối tượng QL*: Là hệ thống QL GDHN của ngành từ Trung ương đến đơn vị trường học ở các cấp học, bậc học khác nhau; - *Quan hệ QL*: Thể hiện thông qua mối quan hệ giữa chủ thể QL và đối tượng QL theo các phân hệ QL và nguyên tắc QL GDHN; - *Mục tiêu QL*: Là hiệu quả cần đạt được trong QL GDHN. Hiệu quả này được đánh giá ở hiệu quả trong và hiệu quả ngoài theo góc độ cá nhân (kết quả GD của người học) và góc độ xã hội (quy mô, chất lượng, uy tín trong cộng đồng của nhà trường).

Các mục tiêu QL GDHN ở nước ta [8]:

- *Mục tiêu chung*: + Đảm bảo cho người KT được hưởng những quyền cơ bản, đặc biệt là quyền được GD, quyền tự do không tách biệt, tham gia vào mọi hoạt động xã hội và có cơ hội cống hiến; + Phát triển toàn diện các mặt cho người KT, bao gồm: Đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và khả năng lao động; + Người KT được hòa nhập vào môi trường GD phổ thông, phát triển kiến thức, kĩ năng văn hóa xã hội, thái độ tích cực, hoà nhập cộng đồng.

- *Các mục tiêu GD cụ thể*: + *Về kiến thức, kĩ năng văn hóa*: Đạt trình độ phát triển tối đa theo khả năng của người KT trong thời gian và môi trường GD phù hợp; + *Về kĩ năng xã hội*: Có các kiến thức, kĩ năng xã hội phù hợp với độ tuổi và khả năng của trẻ; + *Phục*

hồi chức năng: Cải thiện tình trạng suy giảm các chức năng cơ thể và hạn chế chức năng tinh thần do khiếm khuyết hoặc tổn thương về tâm lí, trí tuệ; + *GD lao động, hướng nghiệp và dạy nghề*: Được hướng nghiệp, học nghề trong các cơ sở đào tạo để có một nghề hay một công việc có thu nhập và có cơ hội được cống hiến cho xã hội.

6. Kết luận

Nghiên cứu cơ sở lý luận cho thực hiện các hoạt động GDHN nói chung, QL GDHN nói riêng trong bối cảnh đổi mới GD ở nước ta là hết sức cần thiết. Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu về cơ sở lý luận của QLGD hòa nhập học sinh KT ở nước ta, chúng tôi đề xuất một số khuyến nghị sau: 1) Cần xây dựng kế hoạch và tổ chức tổng kết kinh nghiệm 25 năm thực hiện GDHN ở nước ta để khái quát, xây dựng một hệ thống cơ sở lý luận GDHN, đặc biệt là cơ sở lý luận về QL GDHN vững chắc hơn nữa, phù hợp với yêu cầu đổi mới GD ở nước ta hiện nay; 2) Tiến hành nghiên cứu, rà soát việc thực hiện các văn bản pháp quy của Việt Nam về vấn đề người KT, đặc biệt là vấn đề *Quyền của người KT*, làm cơ sở cho điều chỉnh nội dung và đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả của các văn bản này trong thực tiễn. Đồng thời, nghiên cứu rà soát điều chỉnh hệ thống các văn bản pháp quy về vấn đề GD KT của Việt Nam phù hợp với các văn bản pháp quy quốc tế mà Việt Nam đã kí và cam kết thực hiện; 3) Tăng cường các nghiên cứu lý luận và thực tiễn về QL GDHN, chú trọng đến lý thuyết và mô hình GDHN, triển khai ứng dụng trong tổ chức thực hiện GDHN ở nước ta. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2010). *Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12*.
- [2] *Quyền trẻ em*, (2000). NXB Thế giới.
- [3] *Tuyên bố Salamanca và Chương linh hành động về nhu cầu giáo dục đặc biệt* (2002). Hội nghị thế giới về giáo dục trẻ em có nhu cầu giáo dục đặc biệt, Salamanca, Tây Ban Nha, 1994. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [4] *Quyền của Người khuyết tật* (2007). Nghị quyết A/RES/61/106 của Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc.
- [5] Nguyễn Quốc Chí - Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2005). *Lý luận đại cương về quản lí*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [6] Bùi Minh Hiền - Nguyễn Vũ Bích Hiền (đồng chủ biên) (2015). *Quản lí và Lãnh đạo nhà trường*. NXB Đại học Sư phạm.
- [7] Brent Davies và Linda Ellison (2005). *Lãnh đạo nhà trường thế kỉ 21*. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [8] Nguyễn Xuân Hải (2010). *Giáo trình Quản lí giáo dục hòa nhập*. NXB Đại học Sư phạm.